

Số: **1793/SNN-KL**
V/v tăng cường công tác quản lý
giống cây trồng lâm nghiệp

Tuyên Quang, ngày 11 tháng 11 năm 2019

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;
- Các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp chính trên địa bàn tỉnh.

Để quản lý chặt chẽ công tác sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp chính theo đúng quy định tại Thông tư số 30/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định Danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính; công nhận giống và nguồn giống; quản lý vật liệu giống cây trồng lâm nghiệp chính. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có ý kiến như sau:

1. Đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp

Để được sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp yêu cầu phải đủ các điều kiện sau:

1.1. Có giấy đăng ký kinh doanh thuộc lĩnh vực giống cây trồng lâm nghiệp được cơ quan có thẩm quyền cấp (các cơ sở chưa có giấy đăng ký kinh doanh thì liên hệ với phòng Kế hoạch - Tài chính cấp huyện để được hướng dẫn, lập thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định).

1.2. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh phải công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với giống cây lâm nghiệp chính do cơ sở mình sản xuất, kinh doanh và không được thấp hơn tiêu chuẩn quốc gia, theo quy định tại Điều 16 Thông tư số 30/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. Cụ thể:

- Bảng công bố tiêu chuẩn cơ sở cho từng loài cây theo biểu 01.
- Bảng tổng hợp công bố tiêu chuẩn cơ sở theo biểu 02.
- Tiêu chuẩn kỹ thuật cây giống, đối với một số loài cây theo biểu 03 (*các cơ sở sản xuất, kinh doanh căn cứ các tiêu chuẩn kỹ thuật tại biểu 03 để làm căn cứ công bố tiêu chuẩn cơ sở*).
- Một số loài cây trồng chủ yếu trên địa bàn tỉnh phải công bố tiêu chuẩn cơ sở theo biểu 04.

2. Hồ sơ vật liệu giống cây trồng lâm nghiệp chính

2.1. Đối với lô hạt giống và cây giống trong bình mô hoặc mua hom để gieo, ươm (*áp dụng đối với cơ sở tự sản xuất, kinh doanh*): Yêu cầu bên bán cung cấp bản phô tô quyết định công nhận nguồn giống; bản chính bảng kê vật liệu giống, phiếu xuất kho và hóa đơn bán hàng, trong đó ghi rõ khối lượng hạt giống, số lượng cây mầm mô, hom giống và tên, mã số của giống sản xuất.

(bảng kê vật liệu giống theo biểu 05 và 06)

2.2. Đối với lô cây giống (*áp dụng đối với cơ sở kinh doanh mua cây về bán hoặc tổ chức, cá nhân mua cây trồng rừng*): Kiểm tra cây giống về đường kính cổ

rễ, chiều cao, hình thái và bầu cây, đảm bảo các tiêu chuẩn không thấp hơn so với tiêu chuẩn do cơ sở sản xuất, kinh doanh tự công bố và yêu cầu cơ sở sản xuất, kinh doanh cung cấp bản phôi tô quyết định công nhận nguồn giống; bản chính bảng kê vật liệu giống, phiếu xuất kho và hóa đơn bán hàng, trong đó ghi rõ số lượng cây giống và mã số của nguồn giống (*bảng kê vật liệu giống theo biểu 07*)

2.3. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh chỉ được sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp chính từ nguồn giống được Sở Nông nghiệp và PTNT hoặc Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận, nguồn giống nhập nhưng đã được trồng khảo nghiệm và được phép sản xuất (*Nguồn giống còn hiệu lực trên địa bàn tỉnh theo biểu 08*).

(Văn bản này và các biểu từ số 01 đến số 08 được đăng tải trên trang thông tin điện tử Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Tuyên Quang tại mục văn bản, trong lĩnh vực Lâm nghiệp-Kiểm lâm).

3. Để quản lý tốt giống cây trồng lâm nghiệp chính trên địa bàn tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị:

- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tăng cường công tác tuyên truyền, kiểm tra, giám sát các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp thực hiện đúng theo quy định tại Thông tư số 30/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; xử lý nghiêm các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp không thực hiện đầy đủ các quy định của nhà nước trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp chính.

- Báo cáo tình hình sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp trên địa bàn huyện, thành phố về Sở Nông nghiệp và PTNT (qua Chi cục Kiểm lâm tổng hợp báo cáo), trước ngày 20 tháng 12 hàng năm.

4. Các cơ quan đơn vị trực thuộc Sở

- Giao Thanh tra Sở chủ trì, phối hợp với Chi cục Kiểm lâm, Chi cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản thường xuyên thanh tra, kiểm tra, hướng dẫn các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp thực hiện đúng theo quy định tại Thông tư số 30/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; xử lý nghiêm các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp vi phạm (nếu có).

- Giao Chi cục Kiểm lâm tham mưu Sở Nông nghiệp và PTNT công nhận hoặc huỷ bỏ quyết định công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các đơn vị sản xuất cây giống phản ánh về Sở Nông nghiệp và PTNT để được hướng dẫn thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Chi cục Kiểm lâm;
- Trang thông tin điện tử Sở NN và PTNT tỉnh TQ;
- Thanh tra Sở;
- Lưu VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Mai Thị Hoàn

Biểu 01 : Mẫu Tiêu chuẩn cơ sở (áp dụng cho cây con xuất vườn).

(Kèm theo Văn bản số 1793/SNN-KL ngày 11/11/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

(Ví dụ áp dụng cho cây Keo tai tượng được sản xuất tại cơ sở ông Nguyễn Văn A)

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

TCCS 01:2019/NVA

TCCS 01:2019/NVA
(Tên sản phẩm Keo tai tượng)

1. Phạm vi áp dụng.

Tiêu chuẩn này áp dụng cho Keo tai tượng do hộ kinh doanh Nguyễn Văn A, địa chỉ thôn, xã, huyện.....sản xuất.

2. Tài liệu viện dẫn.

Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006;

Thông tư số 21/2007/TT-BKHCN ngày 28/9/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Thông tư số 30/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT;

TCVN 11570-1:2016 Giống cây lâm nghiệp - Cây giống keo - Phần 1: Keo tai tượng,

3. Yêu cầu kỹ thuật

Yêu cầu kỹ thuật cây giống Keo tai tượng

Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
Nguồn gốc giống	Được tạo ra từ hạt giống thu từ nguồn giống được công nhận
Tuổi cây con	Từ 3 đến 5 tháng kể từ khi hạt đã qua xử lý được cấy vào bầu
Đường kính cổ rễ	Từ 0,3 cm đến 0,4 cm
Chiều cao	Từ 25 cm đến 35 cm
Hình thái	Cây cứng cáp, không cụt ngọn, lá xanh, cây khoẻ và không có biểu hiện sâu bệnh
Bầu cây	Kích thước bầu tối thiểu là 6x10 cm (đường kính x chiều cao). Hộp ruột bầu đầy ngang mặt bầu, không bị vỡ, không biến dạng, rễ cây phủ xung quanh mặt trong của vỏ bầu.

Ghi chú: Mỗi một loài cây là 1 bản tiêu chuẩn cơ sở.

Ví dụ: Cây Keo tai tượng áp dụng theo bảng 1 biểu 03; cây Keo lai nuôi cấy mô áp dụng theo bảng 2.1 mục 2 biểu 03; cây Keo lai giâm hom áp dụng theo bảng 2.2 mục 2 biểu 03; cây Bạch đàn lai nuôi cấy mô áp dụng theo bảng 3.1 mục 3 biểu 03; cây Bạch đàn lai giâm hom áp dụng theo bảng 3.2 mục 3 biểu 03; cây Bạch đàn urophylla và bạch đàn camaldulensis nhân giống bằng hạt áp dụng theo bảng 4.1 mục 4 biểu 03; cây Bạch đàn urophylla và bạch đàn camaldulensis nuôi cấy mô áp dụng theo bảng 4.2 mục 4 biểu 03; cây Bạch đàn urophylla và bạch đàn camaldulensis giâm hom áp dụng theo bảng 4.3 mục 4 biểu 03;

4. Phương pháp kiểm tra

4.1 Thời điểm kiểm tra

Trước khi cây xuất bán cho khách hàng.

4.2 Phương pháp kiểm tra các chỉ tiêu chất lượng của cây giống

Tên chỉ tiêu	Phương pháp kiểm tra	Lấy mẫu kiểm tra
Nguồn gốc giống	Đánh giá dựa vào hồ sơ nguồn gốc vật liệu nhân giống	Toàn bộ lô cây giống
Tuổi cây con	Kiểm tra nhật ký/ hồ sơ của cơ sở sản xuất cây giống liên quan đến thời gian gieo ươm của từng lô cây giống	Toàn bộ lô cây giống
Đường kính cổ rễ	Sử dụng thước kẹp có độ chính xác 0,1 mm đo tại vị trí sát mặt bầu	Lấy mẫu ngẫu nhiên ít nhất 30 cây
Chiều cao	Sử dụng thước kẻ vạch có độ chính xác 1 mm, đo từ mặt bầu đến đỉnh sinh trưởng của cây	Lấy mẫu ngẫu nhiên ít nhất 30 cây
Hình thái	Quan sát bằng mắt thường	Toàn bộ lô cây giống
Bầu cây	Quan sát bằng mắt thường	Toàn bộ lô cây giống

5. Vận chuyển và bảo quản.

5.1 Vận chuyển

Cây giống trong khi vận chuyển phải đảm bảo thoáng, mát; không bị dập, gãy; không bị vỡ bầu.

5.2 Bảo quản

Cây chuyển đến vị trí tập kết phải được xếp vào nơi râm mát, tránh gió, nắng chiếu trực tiếp vào cây, tưới đủ ẩm cho cây, khi thời tiết thuận lợi thì tiến hành đem cây đi trồng.

....., ngày....tháng....năm.....

HỘ KINH DOANH

(Ký ghi rõ họ tên)

.....

- Ghi chú:**
- (1) Mỗi 1 loài cây ban hành 1 Tiêu chuẩn cơ sở theo mẫu biểu 01, sau đó tổng hợp chung vào biểu 02.
 - (2) Sau khi Tiêu chuẩn cơ sở được công bố gửi 01 bản tổng hợp kèm theo mỗi Tiêu chuẩn cơ sở 01 bản đến:
 - Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Tuyên Quang (1 bộ); địa chỉ đường 17/8 phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang.
 - Sở Nông nghiệp và PTNT (01 bộ) qua Chi cục Kiểm lâm; địa chỉ số 110 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang.

Biểu 02: Văn bản thông kê số lượng Tiêu chuẩn cơ sở được công bố

(Kèm theo Văn bản số 1793/SNN-KL ngày 11/11/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

(ví dụ: Hộ kinh doanh Nguyễn Văn A sản xuất 3 loại cây Keo tai tượng, Keo lai giâm hom, Bạch đàn lai giâm hom)

TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT,
KINH DOANH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc

Số.....

V/v công bố tiêu chuẩn giống
cây trồng lâm nghiệp chính

....., ngày tháng năm

Kính gửi:

- Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục Kiểm lâm tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 21/2007/TT-BKHHCN ngày 28/9/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ “Hướng dẫn về xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn”;

Căn cứ Thông tư số 30/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định Danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính; công nhận giống và nguồn giống; quản lý vật liệu giống cây trồng lâm nghiệp,

Cơ sở sản xuất, kinh doanh Nguyễn Văn A ban hành 03 Tiêu chuẩn cơ sở (TCCS):

- TCCS 01:2019/NVA - Cây giống Keo tai tượng
- TCCS 02:2019/NVA - Cây giống Keo lai giâm hom
- TCCS 03:2019/NVA - Cây giống Bạch đàn lai giâm hom
- TCCS xx : xxx/..... - Cây giống

TCCS 01:2019/NVA, áp dụng cho giống cây Keo tai tượng; TCCS 02:2019/NVA, áp dụng cho giống cây Keo lai giâm hom; TCCS 03:2019/NVA, áp dụng cho giống cây Bạch đàn lai giâm hom do Cơ sở sản xuất, kinh doanh Nguyễn Văn A. Địa chỉ: thôn....., xã, huyện....., tỉnh Tuyên Quang sản xuất.

Nơi nhận:

- Như trên (giám sát);
- Lưu: tại cơ sở.

HỘ KINH DOANH
(Ký ghi rõ họ tên)

.....

Biểu 03: Tiêu chuẩn kỹ thuật cây giống đem trồng rừng, đối với một số loài cây lâm nghiệp chính

(Kèm theo Văn bản số 1793/SNN-KL ngày 11/11/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

1. Keo tai tượng (Acacia mangiup).

Tiêu chuẩn quốc gia hiện đang được áp dụng: TCVN 11570-1:2016 Giống cây lâm nghiệp - Cây giống keo - Phần 1: Keo tai tượng (ban hành kèm theo Quyết định số 4215/QĐ-BKHCN ngày 30/12/2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
Nguồn gốc giống	Được tạo ra từ hạt giống thu từ nguồn giống được công nhận
Tuổi cây con	Từ 3 đến 5 tháng kể từ khi hạt đã qua xử lý được cấy vào bầu
Đường kính cổ rễ	Từ 0,3 cm đến 0,4 cm
Chiều cao	Từ 25 cm đến 35 cm
Hình thái	Cây cứng cáp, không cụt ngọn, lá xanh, cây khoẻ và không có biểu hiện sâu bệnh
Bầu cây	Kích thước bầu tối thiểu là 6x10 cm (đường kính x chiều cao). Hố hợp ruột bầu đầy ngang mặt bầu, không bị vỡ, không biến dạng, rễ cây phủ xung quanh mặt trong của vỏ bầu.

2. Keo lai: cây hom, cây mô (Acacia hybrid).

Tiêu chuẩn quốc gia hiện đang được áp dụng: TCVN 11570-2:2016 Giống cây lâm nghiệp - Cây giống keo - Phần 2: Keo lai (ban hành kèm theo Quyết định số 4215/QĐ-BKHCN ngày 30/12/2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

2.1. Keo lai cây giống nhân bằng nuôi cấy mô (cây có bầu).

Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
Nguồn gốc giống	Từ cây mầm hoặc cây rễ trần (Được tạo ra từ vật liệu giống gốc)
Tuổi cây con	Từ 2 đến 5 tháng kể từ khi cây được cấy vào bầu
Đường kính cổ rễ	Từ 0,3 cm đến 0,4 cm
Chiều cao	Từ 25 cm đến 35 cm
Hình thái	Cây cứng cáp, không cụt ngọn, lá xanh, cây khoẻ và không có biểu hiện sâu bệnh, có từ 10 đến 15 lá
Bầu cây	Kích thước bầu tối thiểu là 6x10 cm. Hố hợp ruột bầu đầy ngang mặt bầu, không bị vỡ, không biến dạng, rễ cây phủ xung quanh mặt trong của vỏ bầu.

2.2. Keo lai cây giống nhân bằng giâm hom (cây có bầu).

Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
Nguồn gốc giống	Được tạo ra từ vật liệu giống gốc
Tuổi cây con	Từ 2 đến 4
Đường kính cổ rễ	Từ 0,3 cm đến 0,4 cm
Chiều cao	Từ 25 cm đến 35 cm
Hình thái	Cây cứng cáp, không cụt ngọn, lá xanh, cây khoẻ và không có biểu hiện sâu bệnh, có từ 10 đến 15 lá
Bầu cây	Kích thước bầu tối thiểu là 6x10 cm. Hố hợp ruột bầu đầy ngang mặt bầu, không bị vỡ, không biến dạng, rễ cây phủ xung quanh mặt trong của vỏ bầu.

3. Bạch đàn lai (*Eucalyptus hybrid*).

Tiêu chuẩn quốc gia hiện đang được áp dụng: TCVN 11571-1:2016 Giống cây lâm nghiệp - Cây giống bạch đàn - Phần 1: Bạch đàn lai (*ban hành kèm theo Quyết định số 4215/QĐ-BKHHCN ngày 30/12/2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ*)

3.1. Bạch đàn lai cây giống nhân bằng nuôi cấy mô (cây có bầu).

Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
Nguồn gốc giống	Từ cây mầm hoặc cây rễ trần (Được tạo ra từ vật liệu giống gốc)
Tuổi cây con	Từ 2 đến 4 tháng kể từ khi cây được cấy vào bầu
Đường kính cổ rễ	Từ 0,3 cm đến 0,4 cm
Chiều cao	Từ 20 cm đến 35 cm
Hình thái	Cây cứng cáp, không cụt ngọn, lá xanh, cây khoẻ và không có biểu hiện sâu bệnh, có từ 14 đến 16 lá
Bầu cây	Kích thước bầu tối thiểu là 6x10 cm. Hố hợp ruột bầu đầy ngang mặt bầu, không bị vỡ, không biến dạng, rễ cây phủ xung quanh mặt trong của vỏ bầu.

3.2. Bạch đàn lai cây giống nhân bằng giâm hom (cây có bầu).

Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
Nguồn gốc giống	Được tạo ra từ vật liệu giống gốc
Tuổi cây con	Từ 2 đến 4
Đường kính cổ rễ	Từ 0,3 cm đến 0,4 cm
Chiều cao	Từ 25 cm đến 35 cm
Hình thái	Cây cứng cáp, không cụt ngọn, lá xanh, cây khoẻ và không có biểu hiện sâu bệnh hại, có từ 10 đến 15 lá
Bầu cây	Kích thước bầu tối thiểu là 6x10 cm. Hố hợp ruột bầu đầy ngang mặt bầu, không bị vỡ, không biến dạng, rễ cây phủ xung quanh mặt trong của vỏ bầu.

4. Bạch đàn urophylla và bạch đàn camaldulensis (*Eucalyptus urophylla* S.T.Blake, *Eucalyptus camaldulensis* Dehnh).

Tiêu chuẩn quốc gia hiện đang được áp dụng: TCVN 11571-2: Giống cây lâm nghiệp - Cây giống bạch đàn - Phần 2: Bạch đàn urophylla và bạch đàn camaldulensis (*ban hành kèm theo Quyết định số 3394/QĐ-BKHHCN ngày 01/12/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ*)

4.1. Cây giống nhân bằng hạt

Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
Nguồn gốc giống	Thu từ nguồn giống được công nhận
Tuổi cây con	Từ 3 đến 4 tháng tuổi
Đường kính cổ rễ	Từ 0,3 cm đến 0,4 cm
Chiều cao	Từ 30 cm đến 40 cm
Hình thái	Cây cứng cáp, không cụt ngọn, lá xanh, cây khoẻ và không có biểu hiện sâu bệnh hại
Bầu cây	Kích thước bầu tối thiểu là 7x10 cm. Hố hợp ruột bầu thấp hơn miệng bầu tối đa 1cm, không bị vỡ, không biến dạng.

4.2. Cây giống nhân bằng nuôi cấy mô (cây có bầu)

Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
Nguồn gốc giống	Từ cây mầm hoặc cây rễ trần (Được tạo ra từ vật liệu giống gốc)
Tuổi cây con	Từ 2 đến 4 tháng kể từ khi cây được cấy vào bầu
Đường kính cổ rễ	Từ 0,3 cm đến 0,4 cm
Chiều cao	Từ 20 cm đến 35 cm
Số lá	Có ít nhất 14 lá hoàn chỉnh
Hình thái	Cây cứng cáp, không cụt ngọn, lá xanh, cây khoẻ và không có biểu hiện sâu bệnh hại
Bầu cây	Kích thước bầu tối thiểu là 7x10 cm. Hố hợp ruột bầu thấp hơn miệng bầu tối đa 1cm, không bị vỡ, không biến dạng.

4.3. Cây giống nhân bằng giâm hom (cây có bầu)

Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
Nguồn gốc giống	Được tạo ra từ vật liệu giống gốc
Tuổi cây con	Từ 2 đến 4 tháng tuổi
Đường kính cổ rễ	Từ 0,3 cm đến 0,4 cm
Chiều cao	Từ 25 cm đến 35 cm
Số lá	Có ít nhất 14 lá hoàn chỉnh
Hình thái	Cây cứng cáp, không cụt ngọn, lá xanh, cây khoẻ và không có biểu hiện sâu bệnh hại
Bầu cây	Kích thước bầu tối thiểu là 7x10 cm. Hố hợp ruột bầu thấp hơn miệng bầu tối đa 1cm, không bị vỡ, không biến dạng.

Chú thích: Biểu 03 tóm tắt yêu cầu kỹ thuật cây giống đem trồng rừng. Mục đích, do hiện nay nhiều chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh chưa có bảng Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), để thuận lợi cho các chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh biết về tiêu chuẩn kỹ thuật đối với một số loài cây xuất vườn, Sở Nông nghiệp và PTNT tóm tắt một số loài cây để các chủ cơ sở SX, KD, khi tự công bố tiêu chuẩn cơ sở không được thấp hơn bảng tóm tắt tại biểu 03 trên đây.

Biểu 04. Một số loài cây trồng chủ yếu trên địa bàn tỉnh phải công bố tiêu chuẩn cơ sở
(Kèm theo Văn bản số 1793/SNN-KL ngày 11/11/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

1. Keo tai tượng (*Acacia mangium* Willd)
2. Keo lai (*Acacia hybrid*)
3. Bạch đàn lai (*Eucalyptus hybrid*)
4. Bạch đàn carnal (*Eucalyptus camaldulensis*)
5. Bạch đàn urô (*Eucalyptus urophylla* S.T.Blake)
6. Mỡ (*Mangletia conifera* Dandy)
7. Mắc ca (*Macadamia integrifolia* Maid. Et Betche)
8. Quế (*Cinamomum cassia* Presl)
9. Sơn tra (*Docynia indica* (Wall) Dec)
10. Trám (*Sterculia foetida* L)

Ghi chú: Các loài cây chưa có Tiêu chuẩn Việt Nam, gồm: Cây Mỡ, Quế, Sơn tra, Trám

Biểu 05. Bảng kê vật liệu giống đối với lô hạt giống*(Kèm theo Văn bản số 1793/SNN-KL ngày 11/11/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BẢNG KÊ VẬT LIỆU GIỐNG***(Đối với lô hạt giống)*

Tên chủ vật liệu giống

Địa chỉ Điện thoại:

Quyết định công nhận nguồn giống:

Mã số nguồn giống.....

Số TT	Tên loài cây	Khối lượng hạt giống thu hái		Khối lượng hạt giống xuất bán			Ghi chú
		Tháng, năm	Khối lượng (kg)	Tên khách hàng	Địa chỉ	Khối lượng (kg)	
Tổng số							

....., ngày.... thángnăm....

Tổ chức, cá nhân lập bảng kê vật liệu giống (ký tên và đóng dấu đối với tổ chức; ký, ghi rõ họ tên đối với cá nhân)

Biểu 06. Bảng kê vật liệu giống đối với cây giống trong bình mô/ vật liệu giâm hom
(Kèm theo Văn bản số 1793/SNN-KL ngày 11/11/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ VẬT LIỆU GIỐNG
(Đối với cây giống trong bình mô/vật liệu giâm hom)

Tên chủ vật liệu giống

Địa chỉ Điện thoại:

Quyết định công nhận giống:

Mã số giống được công nhận

Số TT	Tên giống	Số lượng cây trong bình mô/vật liệu giâm hom			Số lượng cây trong bình mô/vật liệu giâm hom xuất bán				Ghi chú
		Tháng, năm	Số lượng		Tên khách hàng	Địa chỉ	Số lượng		
			Bình	Cây			Bình	Cây	
Tổng số									

....., ngày thángnăm....

Tổ chức, cá nhân lập bảng kê vật liệu giống (ký tên và đóng dấu đối với tổ chức; ký, ghi rõ họ tên đối với cá nhân)

Biểu 07. Bảng kê vật liệu giống đối với cây giống xuất vườn
 (Kèm theo Văn bản số 1793/SNN-KL ngày 11/11/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ VẬT LIỆU GIỐNG
 (Đối với lô cây giống)

Tên chủ vật liệu giống

Địa chỉ Điện thoại:

Quyết định công nhận giống hoặc nguồn giống:

Mã số giống hoặc nguồn giống được công nhận

Số TT	Tên loài cây/ tên giống	Số lượng cây giống sản xuất		Số lượng cây giống xuất bán			Ghi chú
		Tháng, năm	Số lượng (cây)	Tên khách hàng	Địa chỉ	Số lượng (cây)	
Tổng số							

....., ngày thángnăm....

Tổ chức, cá nhân lập bảng kê vật liệu giống (ký tên và đóng dấu đối với tổ chức; ký, ghi rõ họ tên đối với cá nhân)

Biểu 08. Nguồn giống còn hiệu lực trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

(Kèm theo Văn bản số 1793/SNN-KL ngày 11/11/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

Số TT	Chủ nguồn giống	Địa chỉ	Loài cây	Diện tích	số cây	Năm trồng	Loại hình nguồn giống	Mã số	Ngày cấp	Có giá trị đến ngày	Ghi chú
I	Huyện Hàm Yên										
1	Viện Ng.cứu cây NLG	Phù Ninh - Phù Ninh - Phú Thọ	Keo TT	5,7 ha		2008	Rừng giống trồng	SR.10.34	02/09/2015	02/09/2020	
2	TTNC và TN cây NLG Hàm Yên	Thị trấn Tân Yên, huyện Hàm Yên	keo lai	7.280m2	12200	2017	Vườn cấp hom	SD.10.56	18/12/2017	18/12/2020	
3	Công ty lâm nghiệp Tân phong	Xã Đức Ninh, huyện Hàm Yên	Keo lai	3500m2	5.000	2019	Vườn cấp hom	SD.10.65	20/09/2019	20/09/2022	
			Keo lai	1000 m2	4.000	2018	Vườn cấp hom	SD.10.63	12/2018	12/2021	
			Keo lai	1.000 m2	2.000	2016	Vườn cấp hom	SD.10.55	18/12/2017	18/12/2020	
4	Công ty lâm nghiệp Hàm Yên	Thị trấn Tân Yên, huyện Hàm Yên	keo lai	1600m2	2500	2017	Vườn cấp hom	SD.10.57	01/11/2018	01/11/2021	
			Keo lai	1500m	3.000	2018	Vườn cấp hom	SD.10.61	03/08/2018	03/08/2021	
5	Công ty lâm nghiệp Tân Thành	Xã Tân Thành, huyện Hàm Yên	Keo lai	1.500m2	1.300	2017	Vườn cấp hom	SD.10.54	22/11/2017	22/11/2020	
			keo lai	2000m	3000	2018	Vườn cấp hom	SD.10.60	'11/7/2018	07/11/2021	
6	Nguyễn Văn Hùng	Thị trấn Tân Yên, huyện Hàm Yên	Keo TT	10 ha	840	2009	Rừng giống chuyên hoá	SC.10.38	19/6/2015	30/6/2020	
	Nguyễn Văn Hải				840						
	Nông Minh Đức				840						
	Dương Văn Bưởi				840						
	Phạm Thị Đào				840						
II	Huyện Sơn Dương										
7	Công ty TNHH MTV LN Sơn Dương	Xã Thượng Âm, huyện Sơn Dương	BĐ	360m2	1.500	2017	Vườn cấp hom	SD.10.52	25/7/2017	25/7/2020	
			keo lai	720 m2	3.000	2017	Vườn cấp hom	SD.10.58			
8	BQL dự án Tân Trào	Thôn Bồng, xã Tân Trào	Lát hoa	14 ha	4.760	1997	Rừng giống chuyên hoá	SC.10.44	11/10/2015	30/11/2022	
9	Dương Văn Thái	Đông Chanh, Lương Thiện, Sơn Dương	Lát hoa	1,7 ha	578	1999	Rừng giống chuyên hoá	SC.10.36	18/6/2015	30/6/2022	

10	Bàn Ngọc Chung	Đông Chanh, Lương Thiện, Sơn Dương	Lát hoa	3,3 ha	1.122	1999	Rừng giống chuyên hoá	SC.10.37	18/6/2015	30/6/2022	
III	Huyện Chiêm Hoá										
11	Công ty TNHH MTV LN Chiêm Hoá	Thị trấn Vĩnh Lộc, Xã Phúc Thịnh	Keo lai	1600m2	4.000	2017	Vườn cấp hom	SD.10.53	17/10/2017	17/10/2020	
IV	Thành phố Tuyên Quang										
12	Công ty Lâm nghiệp Tuyên Bình	Xã Tràng Đà, TP Tuyên Quang	keo lai	1600m2	5.500	2017	Vườn cấp hom	SD.10.59			
13	Công ty CP nguyên liệu giấy An Hòa	Xã Đội Cấn, TP Tuyên Quang	keo lai	1.500	3.000	2018	Vườn cấp hom	D.10.64	07/05/2019	07/05/2022	
			Keo lai	2900m2	6.000	2017	Vườn cấp hom	SD.10.51	17/01/2017	17/01/2020	
			Bạch đàn lai	1000 m2	3.000	2018	Vườn cấp hom	SD.10.62	03/08/2018	03/08/2021	
			Keo lai	1500m2	3.000	2018	Vườn cấp hom	D.10.64	7/5/2019	7/5/2022	
		Xã Đội Cấn, TP Tuyên Quang (vị trí vườn giống: khoảnh 82, xã Vĩnh Lợi, huyện Sơn Dương)	Keo tai tượng	2,0 ha	68 gia đình/10 lập/170 cây/ha	2009	Vườn giống	BH.10.32	04/12/2017	03/12/2027	Vườn giống thế hệ 2 được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận
		Xã Đội Cấn, TP Tuyên Quang (vị trí vườn giống: lô 5 khoảnh 592, xã Đội Cấn, TP. Tuyên Quang)	Keo tai tượng	3,0 ha	99 gia đình/9 lập/118 cây/ha	2010	Vườn giống	BH.10.33	04/12/2017	03/12/2027	
Xã Đội Cấn, TP Tuyên Quang (vị trí vườn giống: lô 4 khoảnh 592, xã Đội Cấn, TP. Tuyên Quang)	Keo tai tượng	2,5 ha	100 gia đình/8 lập/152 cây/ha	2011	Vườn giống	BH.10.34	04/12/2017	03/12/2027			